

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2024/HS-PT
Ngày 04-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Huy Toàn.

Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Minh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Tấn Lập - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 5 và 04 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 200/2023/TLPT-HS ngày 11 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Trương Kiều V và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 231/2023/HS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trương Kiều V sinh ngày 01 tháng 8 năm 2002 tại tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: 6 Khóm C, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn L và bà Nguyễn Ngọc D; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09 tháng 11 năm 2022 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Thị Thương T sinh ngày 06 tháng 7 năm 1997 tại tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi tạm trú: Số G, đường Đ, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hiền H và bà Phan Thị L1; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09 tháng 11 năm 2022 đến nay (có mặt

tại phiên tòa).

3. Cao Kim N sinh ngày 19 tháng 5 năm 2000 tại tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký thường trú: Số A, Khóm C, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nơi tạm trú: Số G, đường Đ, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Thành N1 và bà Lê Thị Mỹ L2; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09 tháng 11 năm 2022 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương Kiều V:* Ông Trần Văn H1 là Luật sư thuộc Văn phòng L3 - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, còn có 02 bị cáo, 01 bị hại, 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo và 02 người làm chứng không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Lê Quốc B, Phạm Văn Hoàng K, Cao Kim N, Trương Kiều V và Nguyễn Thị Thương T là bạn, sống chung phòng trọ tại số D Đường I, Tổ F, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 10 tháng 6 năm 2022, sau khi các bị cáo B, K, N, V và T uống rượu và hát ở quán K2 thì bị cáo N chở bị cáo T, bị cáo K chở bị cáo V về trước, còn bị cáo B được anh Lê Tiến T1 chở về.

Khi bị cáo N chở bị cáo T đến ngã ba tại Đường số I, Tổ F, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì bị ông Nguyễn Văn K1 (đang điều khiển xe đi phía sau) lớn tiếng nói “Tụi mày chạy xe kiểu gì kì vậy”. Bị cáo N vào phòng trọ cất xe rồi đi ra nói chuyện với ông K1. Bị cáo K nhìn thấy bị cáo N đang cãi nhau với ông K1 nên cùng bị cáo V đến chỗ bị cáo N, được bị cáo N kể lại sự việc. Ông K1 giơ tay định đánh bị cáo N thì anh Trần Văn T2 can ngăn. Bị cáo N dùng tay đánh ông K1. Các bị cáo K, V và T cũng dùng tay đánh vào người của ông K1. Anh T1 chở bị cáo B về đến, bị cáo B xuống xe dùng tay đánh vào mặt ông K1 nhiều cái và được anh T1 can ngăn. Ông K1 bị các bị cáo N, K, V và T dồn về phía hàng rào. Bị cáo K dùng tay đẩy ông K1 ngã vào hàng rào còn bị cáo B dùng mũ bảo hiểm đánh vào người ông K1 nên ông K1 dùng tay chống trả và đánh trúng mặt B. Bị cáo B vào phòng trọ lấy 01 (một) dao bằng kim loại (dài 20 cm, bản rộng 02 cm, cán bằng nhựa màu vàng) bỏ vào trong túi quần và lấy 01 (một) kéo bấm cắt chỉ bằng kim loại (dài 11 cm, mũi kéo dài 04 cm) đến chỗ ông K1, cầm kéo đâm nhiều nhát vào vùng ngực trái, vùng bụng và lưng của ông K1 (các bị cáo đều khai do trời tối và bị cáo B cầm dao trong tay nên các bị cáo V, K, N, và T không biết việc bị cáo B đâm bị hại).

Bị cáo Khang vật ông K1 xuống nhưng bị trượt chân nên bị ông K1 đè lên người. Bị cáo V lấy mũ bảo hiểm đang đội đánh vào lưng ông K1 02 cái. Khi nhìn thấy ông K1 bị chảy máu thì các bị cáo B, K, N, V, T về phòng trọ.

Ông K1 được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện H2, sau đó chuyển đến Bệnh viện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 11 tháng 6 năm 2022, ông K1 làm đơn yêu cầu khởi tố và giám định thương tích.

Tại Kết luận giám định Pháp y về thương tích số 501/2022/GDPY ngày 18 tháng 7 năm 2022, Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh B kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định: 04 (bốn) vết thương ngực trái: vết thương khoảng liên sườn 6 cạnh ức (0,7 x 0,2 cm), vết thương khoảng liên sườn 7 cạnh ức (0,4 x 0,2 cm), vết thương liên sườn 8 đường trung đòn (0,8 x 0,1 cm), vết thương liên sườn 8 đường nách giữa (01 x 0,2 cm), thẩu ngực tràn máu màng phổi trái, vết mổ dẫn lưu màng phổi (02 x 0,3 cm), sẹo lành; vết thương bụng vùng hạ sườn trái (01 x 0,1 cm), vết thương bụng vùng hạ sườn phải đường trung đòn (01 x 0,3 cm), sẹo lành; vết thương mặt trước 1/3 giữa cánh tay trái (1,7 x 0,2 cm), vết thương mặt sau 1/3 giữa cẳng tay trái (01 x 0,2 cm), sẹo lành. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 13% (mười ba phần trăm), căn cứ theo Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y về “Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần”. Các kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích: 04 (bốn) vết thương ngực trái, thẩu ngực tràn máu màng phổi trái: chiều nằm ngang hướng từ trước ra sau, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc nhọn gây ra; vết thương mặt trước 1/3 giữa cánh tay trái, vết thương mặt sau 1/3 giữa cẳng tay trái: bờ tương đối gọn, khả năng do vật sắc hoặc vật sắc nhọn gây ra.

Tại Công văn số 122/CV-TTPY ngày 04 tháng 10 năm 2022, Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh B trả lời về việc giám định bổ sung trường hợp Nguyễn Văn K1: Theo hồ sơ bệnh án ghi nhận, bệnh nhân K1 nhập viện lúc 00 giờ 06 phút ngày 11 tháng 6 năm 2022 trong tình trạng như sau: Bệnh tình, tiếp xúc tốt, tự thở được, không khó thở; Mạch 84 lần/phút, huyết áp 10/70mmHg; 06 vết thương ngực, bụng #5mm, thẩu ngực tràn máu màng phổi trái lượng ít; 02 vết thương cánh tay, cẳng tay trái 1 x 0,2cm, sẹo lành; CT scan lồng ngực: tràn máu màng phổi trái lượng ít. Xử trí: khâu vết thương, dẫn lưu màng phổi. Như vậy, theo ghi nhận của Bệnh viện, thương tích của bệnh nhân K1 không có biểu hiện nguy kịch, không mất máu nhiều, không có chỉ định truyền máu, bệnh nhân vẫn tỉnh táo, sinh hiệu ổn định. Do đó, cho phép nhận định: trường hợp thương tích của bị hại Nguyễn Văn K1 nếu không điều trị cấp cứu kịp thời, khả năng cũng không gây nguy hiểm đến tính mạng.

Tại Kết luận giám định số 3732/KL-KTHS ngày 27 tháng 7 năm 2022, Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ C1 kết luận: Không phát hiện máu người trên con dao (dạng dao Thái Lan) cán bằng nhựa màu vàng gửi giám định; trên cái kéo bấm cắt chỉ có dính máu người (Phân tích

ADN từ dấu vết máu này được kiểu gen nam giới hoàn chỉnh và trùng với kiểu gen của Nguyễn Văn K1); lưu kiểu gen Nguyễn Văn K1 tại Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ C1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 231/2023/HS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trương Kiều V, Cao Kim N, Nguyễn Thị Thương T phạm tội Gây rối trật tự công cộng.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trương Kiều V 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Cao Kim N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thương T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Lê Quốc B 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, xử phạt bị cáo Phạm Văn Hoàng K 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Trương Kiều V, Cao Kim N, Nguyễn Thị Thương T, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, bị cáo Nguyễn Thị Thương T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, bị cáo Cao Kim N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại đơn kháng cáo không đề ngày do Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận ngày 21 tháng 8 năm 2023, bị cáo Trương Kiều V kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn diện các tình tiết giảm nhẹ và quy định của pháp luật để cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Thương T và Cao Kim N giữ nguyên nội dung kháng cáo, riêng bị cáo Trương Kiều V trình bày rõ nội dung kháng cáo là xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định, được quy định tại Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Mâu thuẫn xuất phát từ bị cáo N và ông K1 trong việc bị cáo N điều khiển xe mô tô nhưng không chú ý quan sát dẫn đến 02 bên cự cãi và ông K1 dùng tay

định đánh bị cáo N. Vì bênh vực cho bị cáo N mà các bị cáo K, V, T, B và N cùng nhau dùng tay, chân, nón bảo hiểm (B, V dùng nón bảo hiểm), đánh ông K1. Trong lúc đánh nhau thì bị cáo B bị ông K1 đánh trúng mặt nên bực tức chạy về phòng trọ của bị cáo B ở gần đó lấy 01 cây kéo bấm (dùng cắt chỉ) bằng kim loại (dài 11 cm, mũi kéo dài 04 cm) cầm trên tay phải và 01 dao bằng kim loại (dài 20 cm, bản rộng 02 cm, cán bằng nhựa màu vàng (dao Thái Lan)), bỏ dao trong túi quần rồi quay lại nơi đánh nhau. Lúc này ông K1 vừa thoát khỏi việc vây đánh của các bị cáo N, K, V và T thì bị cáo B tiếp tục xông tới dùng kéo đâm liên tiếp 04 nhát trúng vào vùng ngực trái, 02 nhát trúng vào vùng bụng và 02 nhát trúng tay trái của ông K1. Nhìn thấy bị cáo B đánh ông K1 thì bị cáo K xông đến dùng tay quạt ngã ông K1 nhưng do trượt chân nên bị cáo K bị ông K1 đè lên người. Bị cáo V dùng nón bảo hiểm xông đến đánh nhiều cái vào lưng ông K1 còn các bị cáo N và T dùng tay chân đánh ông K1 cho đến khi các bị cáo B, K, N, T và V nhìn thấy máu trên người ông K1 chảy nhiều, nhiều người dân xung quanh ra xem thì bị cáo B và đồng phạm mới dừng lại (tại cấp sơ thẩm đã kết luận lúc B dùng dao tấn công ông K1 thì 04 đồng phạm còn lại không biết).

Như vậy, các bị cáo B, K, N, T và V cùng tham gia đánh ông K1 từ lúc ông K1 có mâu thuẫn với bị cáo N cho đến khi kết thúc vụ việc. Tất cả 05 bị cáo cùng hướng tới mục đích chung là gây thương tích cho ông K1; hành vi này của 05 bị cáo là tiếp nhận mục đích của nhau trong việc gây thương tích cho ông K1, hành vi đó là đồng phạm với nhau với lỗi cố ý gián tiếp, thỏa mãn các dấu hiệu được quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự quy định về đồng phạm (cho dù các bị cáo K, N, T và V không nhìn thấy bị cáo B dùng kéo đâm ông K1). Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xét xử bị cáo B về tội “Cố ý gây thương tích” và xét xử các bị cáo K, N, T và V về tội “Gây rối trật tự công cộng” là có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật.

Ngoài ra, như phân tích về đồng phạm nêu trên thì các bị cáo K, T và N tuy chỉ dùng tay chân đánh ông K1 nhưng tại thời điểm gây án cả 03 bị cáo nhìn thấy các bị cáo B và V dùng nón bảo hiểm đánh ông K1. Mục đích cuối cùng của các bị cáo là gây thương tích cho ông K1. Như vậy, các bị cáo K, T, N và V đang tiếp nhận ý chí gây án của nhau và như vậy thì tất cả phải chịu chung hậu quả là “dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự (các bị cáo B và V dùng nón bảo hiểm đánh ông K1). Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xét xử các bị cáo K, N và T theo khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự và xét xử bị cáo V theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 231/2023/HS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

Người bào chữa cho bị cáo V trình bày:

Ngoài bị cáo B thì không còn bị cáo nào sử dụng hung khí gây thương tích cho bị hại. Căn cứ hồ sơ vụ án xác định được rõ các bị cáo khác hoàn toàn không biết việc bị cáo B sử dụng hung khí gây thương tích cho bị hại. Khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự quy định đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm. Để thoả mãn là đồng phạm thì phải hội đủ 02 yếu tố là đồng ý chí (cố ý cùng thực hiện tội phạm) và giúp sức (về vật chất và (hoặc) tinh thần như cổ vũ, xúi giục...). Do các bị cáo không biết bị cáo B sử dụng hung khí để gây án, nên các bị cáo không cùng ý chí với bị cáo B về hành vi và hậu quả gây ra thương tích 13% cho bị hại nên quan điểm cho rằng các bị cáo khác là đồng phạm về tội “Cố ý gây thương tích” là không có căn cứ pháp lý.

Khi thấy bạn mình là K bị ông K1 đè lên người thì bị cáo V có lấy mũ bảo hiểm đánh vào lưng ông K1 02 cái để ông K1 buông bị cáo K ra. Hành vi này không làm phát sinh thương tích cho ông K1 mà do bộc phát, mục đích để tách hai người đang xô xát, không gây ra hậu quả lớn nên hình phạt 02 (hai) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là quá nặng.

Từ khi xảy ra vụ việc tới nay, bị cáo V đã hối hận. Hành vi của bị cáo V là bộc phát, nhưng bị cáo V đã nhận thức được là sai lầm. Trong suốt quá trình tố tụng, bị cáo V đã rất ăn năn và thành khẩn, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hậu quả hành vi của bị cáo V chưa gây thiệt hại lớn, nên kính mong Hội đồng xét xử cho bị cáo V hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h khoản 1 Điều của 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo V lần đầu phạm tội, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt 02 (hai) năm tù là mức hình phạt tương ứng mức sai phạm ít nghiêm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo V không có tình tiết tăng nặng.

Thời điểm xảy ra vụ án thì bị cáo V mới qua tuổi 19, độ tuổi vừa qua ngưỡng tuổi vị thành niên còn chưa thật ổn định về tâm sinh lý nên rất mong Hội đồng xét xử xem xét. Gia đình bị cáo V hiện hoàn cảnh rất khốn khổ. Mẹ bị cáo bị bệnh u não (ung thư não) phải điều trị thường xuyên tại bệnh viện C. Cha bị cáo làm hồ, thu nhập thấp nên bị cáo phải lo cho gia đình. Quá trình chấp hành chính sách pháp luật tại địa phương của bị cáo V rất tốt, chưa có tiền án, tiền sự và luôn chấp hành chính sách pháp luật tại địa phương, nên đã được T3 khóm nơi bị cáo cư trú xác nhận và bản thân bị cáo có cam kết tuyệt đối tuân thủ quy định của pháp luật, tuyệt đối tuân thủ chính sách tại địa phương và chấp nhận mọi thử thách của án treo. Căn cứ các quy định về án treo (có nhân thân tốt, mức hình phạt dưới 3 năm tù, có nơi cư trú rõ ràng...) thì bị cáo V hoàn toàn đủ các điều kiện để được hưởng án treo.

Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử và đại diện Viện kiểm sát cho bị cáo V cơ hội để sửa sai, thương cảm với hoàn cảnh của gia đình bị cáo, cho bị

cáo được hưởng án treo để bị cáo vừa cải tạo tại địa phương, vừa có điều kiện chăm sóc mẹ đang bệnh nặng và phụ giúp thêm cho gia đình.

Bị cáo V bào chữa bổ sung: Bị cáo B dùng hung khí đâm bị hại nhưng bị cáo không biết nên bị cáo không phải đồng phạm. Nếu biết bị cáo B dùng dao thì bị cáo đã can ngăn. Chỉ khi thấy bị hại đề lên người bị cáo K thì bị cáo mới dùng mũ bảo hiểm đánh bị hại.

Bị cáo N tự bào chữa: Bị cáo bị đánh nên bị cáo mới đánh lại. Suốt thời gian ở ngoài bị cáo ăn năn hối hận và mong muốn được ở nhà để chăm sóc gia đình.

Bị cáo T tự bào chữa: Đây là lần đầu bị cáo phạm tội do nóng giận vì thấy bị hại đánh bạn bị cáo nên bị cáo mới đánh bị hại và không nghĩ hậu quả lớn như vậy. Hoàn cảnh gia đình của bị cáo rất khó khăn vì bố bỏ đi từ lâu còn mẹ và bị cáo. Bị cáo là lao động chính trong gia đình để nuôi mẹ, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Bị cáo V nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử tạo cơ hội cho bị cáo được ở nhà chăm sóc mẹ của bị cáo đang bị bệnh và bị cáo chấp nhận mọi thử thách của Hội đồng xét xử.

Bị cáo N nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có thể ở nhà chăm sóc gia đình. Bị cáo chấp nhận mọi thử thách của Hội đồng xét xử.

Bị cáo T nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có thể ở nhà chăm sóc gia đình. Bị cáo chấp nhận mọi thử thách của Hội đồng xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo Trương Kiều V, Nguyễn Thị Thương T và Cao Kim N làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 10 tháng 6 năm 2022, do ông Nguyễn Văn K1 la lớn tiếng về việc bị cáo N điều khiển xe không chú ý quan sát và dùng tay định đánh bị cáo N nên các bị cáo B, V, K, T và N cùng nhau dùng tay đánh ông K1. Khi bị cáo K bị ông K1 vật ngã thì bị cáo V dùng nón bảo hiểm đánh vào lưng ông K1. Bị cáo B bị ông K1 đánh trúng mặt nên vào phòng trọ lấy vũ khí đâm ông K1 nhiều nhất, gây thương tích cho ông K1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể 13%.

[4] Cả 05 bị cáo đều khai là các bị cáo V, K, N và T không biết bị cáo B dùng dao đâm ông K1. Ngoài ra, không có chứng cứ nào chứng minh các bị cáo V, K, N và T biết bị cáo B dùng dao đâm ông K1. Diễn biến vụ án trong đoạn phim do cơ quan điều tra thu được từ máy quay ghi âm, ghi hình hiện trường thể hiện hành vi của các bị cáo bộc phát, diễn biến nhanh, liên tục, không có sự bàn bạc với nhau, không có căn cứ để xác định các bị cáo V, K, N và T có nhìn thấy bị cáo B dùng dao đâm bị hại hay không và không có căn cứ kết luận các bị cáo K, N và T có nhìn thấy bị cáo V cầm mũ bảo hiểm để tiếp nhận ý chí của bị cáo V hay không. Nếu điều tra lại, cơ quan điều tra không thể chứng minh được ý chí chủ quan (biết hay không biết) của các bị cáo.

[5] Ngoài bị cáo B đâm ông K1 bằng dao, các bị cáo còn lại đánh ông K1 bằng tay vì bị cáo N bị ông K1 đánh. Bị cáo V dùng mũ bảo hiểm đánh vào lưng ông K1 để giải vây cho bị cáo K khi bị cáo K bị ông K1 vật ngã xuống đất. Cơ quan điều tra không chứng minh được hành vi của các bị cáo V, K, N và T gây thương tích cho bị hại và như phân tích trên, không chứng minh được các bị cáo V, K, N và T biết bị cáo B dùng hung khí đâm ông K1. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận quan điểm cho rằng các bị cáo V, K, N và T tiếp nhận ý chí của bị cáo B là dùng hung khí đâm gây tổn thương cơ thể ông K1 với tỷ lệ 13%.

[6] Vì không thể chứng minh việc các bị cáo V, K, N và T biết bị cáo B dùng dao đâm ông K1 và không chứng minh được các bị cáo V, K, N và T đồng phạm với bị cáo B trong việc gây thương tích cho ông K1, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại đối với các bị cáo V, K, N và T về tội “Cố ý gây thương tích”.

[7] Vì không thể chứng minh việc các bị cáo K, N và T tiếp nhận ý chí với bị cáo V trong việc dùng nón bảo hiểm đánh ông K1, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm xử phạt các bị cáo K, N và T về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Với những nội dung đã phân tích trên và lời nhận tội của các bị cáo

trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết. Các bị cáo đánh nhau gây ảnh hưởng đến trật tự công cộng ở khu vực xảy ra vụ án trong đó bị cáo V dùng vũ bảo hiểm đánh bị hại và bị cáo B đâm bị thương ông K1. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định các bị cáo V, K, N và T đồng phạm gián đơn, kết tội bị cáo V về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và kết tội các bị cáo K, N và T về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[9] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội nên cần phải nghiêm trị nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[10] Người bào chữa cho bị cáo V cho rằng bị cáo V được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là không phù hợp vì hành vi của bị cáo V xâm phạm trật tự công cộng nên không thể định lượng về mức độ thiệt hại. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận quan điểm này của người bào chữa cho bị cáo V.

[11] Hành vi phạm tội của các bị cáo K, V, N và T có tính chất giống nhau và cùng thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì sử dụng vũ bảo hiểm (là vật dụng bình thường nhưng trong trường hợp này được coi là hung khí) nên bị cáo V bị xử phạt ở khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) trong khi việc một người phụ nữ sử dụng vũ bảo hiểm đập vào lưng thực sự không gây ảnh hưởng đến sức khỏe bị hại đến mức như sử dụng hung khí. Giống các bị cáo K, N và T, bị cáo V là người chưa có tiền án, tiền sự. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ cho các bị cáo K, N và T hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chưa phù hợp với bị cáo V. Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng bổ sung cho bị cáo V tình tiết giảm nhẹ này.

[12] Tình tiết bị cáo V có mẹ bị bệnh, có hoàn cảnh gia đình khó khăn không phải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[13] Bị cáo V không có tình tiết tăng nặng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải trong quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo là phù hợp.

[14] Các bị cáo N và T không có tình tiết tăng nặng, thành khẩn khai báo,

ăn năn hối cải trong quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo là phù hợp.

[15] Cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo V, N và T, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xử phạt bị cáo V 02 (hai) năm tù (ở mức khởi điểm của khung hình phạt được áp dụng), xử phạt các bị cáo N và T mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù là thỏa đáng, không nặng. Mặc dù bị cáo V có tình tiết giảm nhẹ mới được áp dụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận phần kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo.

[16] Các bị cáo V, N và T bị xử phạt tù không quá 03 năm, không có tiền án, không có tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có tình tiết được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (riêng bị cáo V có tình tiết giảm nhẹ mới được áp dụng tại phiên tòa phúc thẩm), có nơi cư trú rõ ràng, không cần chấp hành hình phạt tù cũng có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo nên các bị cáo đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo V, N và T, sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo.

[17] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận. Quan điểm về tình tiết giảm nhẹ của bị cáo V do người bào chữa cho bị cáo V trình bày có phần phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần.

[18] Kháng cáo của các bị cáo V, N và T được chấp nhận một phần nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344; Điều 345; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận phần kháng cáo của các bị cáo Trương Kiều V, Cao Kim N và Nguyễn Thị Thương T về hình phạt, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trương Kiều V, Cao Kim N và Nguyễn Thị Thương T về biện pháp chấp hành hình phạt, sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 231/2023/HS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo Trương Kiều V, Cao Kim N và Nguyễn Thị Thương T.

Tuyên bố các bị cáo Trương Kiều V, Cao Kim N và Nguyễn Thị Thương T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trương Kiều V 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Trương Kiều V cho Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Cao Kim N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Cao Kim N cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thương T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị Thương T cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Hội đồng xét xử phúc thẩm giải thích về án treo cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo Trương Kiều V, Cao Kim N và Nguyễn Thị Thương T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (4);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo thường trú và tạm trú (thay văn bản thông báo) (6);
- Lưu VP (4), hồ sơ vụ án. THMĐ. (24).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng An Thanh